TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số**:** 23/2021/HNGĐ-ST
Ngày**:** 06-7-2021
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đàm Thị Thanh Loan

Ông Bùi Chí Tâm

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Minh Tân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Thân Mến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2021/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 27/5/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần L, sinh năm 1982 (Có mặt)

Địa chỉ: số nhà E đường R Khóm O, Phường U, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Chị Đoàn D, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm P, Phường U, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện lập cũng như nguyên đơn anh Trần L trình bày tại phiên tòa:*

Anh và chị Đoàn D tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1999 và đến ngày 28/12/2007 thì vợ chồng anh đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N (nay là Phường U, thị xã N), tỉnh Sóc Trăng. Vợ chồng anh cũng có khoảng thời gian chung sống hạnh phúc, vui vẻ. Tuy nhiên, thời gian về sau vợ chồng anh bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cải vã, bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, nên anh và

chị D đã quyết định sống ly thân với nhau từ tháng 02/2018 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn do đó anh quyết định yêu cầu ly hôn với chị Đoàn D.

Về con chung thì giữa anh và chị D có 02 người con chung tên Trần Đc, sinh ngày 11/6/2004 và Trần Y, sinh ngày 17/3/2009. Khi ly thân với nhau thì cháu Y sống với cha, còn cháu Đ thì sống với mẹ. Tại phiên tòa hôm nay, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Y, còn cháu Đ tiếp tục giao cho chị D nuôi dưỡng. Còn về nghĩa vụ cấp dưỡng thì anh không yêu cầu. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Đ mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung thì trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng anh không có tạo lập được tài sản chung, không thiếu nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng anh nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Anh không có yêu cầu.

2/ Bị đơn chị Đoàn D đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng vẫn không có văn bản trình bày ý kiến.

3/ Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự còn bị đơn vắng mặt không rõ lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu về tính có căn cứ và yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh L, cho anh L ly hôn với chị D. Về con chung giao cháu Y cho anh L nuôi dưỡng, giao cháu Đ cho chị D nuôi dưỡng. Về Nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Y thì anh L không yêu cầu đề nghị không xem xét; ghi nhận ý kiến tự nguyện cấp dưỡng của anh L cấp dưỡng nuôi cháu Đ hàng tháng, mỗi tháng cấp dưỡng 3.000.000 đồng đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Đoàn D vắng mặt không rõ lý do, nhận thấy chị D cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Tại Tòa nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Năm 1999 anh L và chị D tự nguyện sống chung với

nhau như vợ chồng và đến ngày 28/12/2007, anh L và chị D là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N (nay là Phường U, thị xã N), tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn cùng ngày. Cho nên quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị D là hợp pháp. Trong cuộc sống chung giữa vợ chồng, anh L cho rằng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cải vã, mẫu thuẫn ngày càng nhiều, anh L đã sống ly thân với chị D từ tháng 02/2018 cho đến nay, anh L nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa anh chị không thể nào tiếp tục được nữa, anh L không còn tình cảm với chị D nên anh L giữ nguyên quyết định ly hôn với chị D. Còn chị D đã được Tòa án thông báo nội dung khởi kiện nhưng không có ý kiến gửi đến Tòa án, theo biên bản xác minh ông Đoàn H lập ngày 25/5/2021 là cha ruột chị D trình bày sau khi ông H nhận các văn bản tố tụng Tòa án đã gửi cho chị D thì ông H đều thông báo bằng điện thoại cho chị D biết được nội dung các văn bản nhận được nhưng do chị D hiện nay đi làm ăn xa không có về được và con ông cũng thống nhất ly hôn theo yêu cầu của anh L. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của anh L và chị D đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, thể hiện anh L và chị D đã sống ly thân với nhau từ năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai nữa, tình trạng mâu thuẫn giữa hai người là trầm trọng không thể khắc phục, hôn nhân của anh, chị không có hạnh phúc và không thể kéo dài được nữa. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L, cho anh L được ly hôn với chị D.

[3] Về con chung: Anh Trần L và chị Đoàn D có hai con chung là cháu Trần Đ, sinh ngày 11/6/2004 và Trần Y, sinh ngày 17/3/2009. Sau khi anh L và chị D ly thân với nhau năm 2018 thì cháu Đ hiện nay đang sống chung với mẹ, còn cháu Y đang sống chung với cha. Tại phiên tòa thì anh L cũng yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Y, còn giao cháu Đ cho chị D nuôi dưỡng, chị D không có ý kiến nhưng thông qua biên bản xác minh ông Đoàn H lập ngày 25/5/2021 là cha ruột chị D thì ông H cho biết sau khi thông báo cho chị D biết được nội dung khởi kiện của anh L thì về phần con chung chị D cũng thống nhất với ý kiến của anh L trong đơn kiện. Ngoài ra theo nguyện vọng của cháu Y cũng muốn tiếp tục sống với cha sau khi cha mẹ ly hôn. Xét thấy, để đảm bảo cuộc sống của cháu Y và cháu Đ được ổn định, không bị xáo trộn về mặt tâm lý cũng như điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng đồng thời cháu Y đã hơn 12 tuổi nên cần ghi nhận nguyện vọng của cháu theo đúng tinh thần quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Cho nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Y cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 (*mười tám*) tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị D không ai được quyền ngăn cản chị D thực hiện hợp pháp quyền này. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: anh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Đ cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 (*mười tám*) tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh L không ai được quyền ngăn cản anh L thực hiện hợp pháp quyền này. Về nghĩa

vụ cấp dưỡng: mặc dù chị D không thể hiện ý kiến là yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng tại phiên tòa anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là cháu Đ hàng tháng 3.000.000 đồng đến khi cháu Đ đủ 18 (*mười tám*) tuổi nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh L.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Trần L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng. Nhưng anh L được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp. Chị Đoàn D không phải chịu án phí.

[6] Đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm về hướng giải quyết vụ án nêu trong phần nội dung vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần L.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần L được ly hôn với chị Đoàn D.

[2] Về con chung:

[2.1] Giao cháu Trần Y, sinh ngày 17/3/2009 cho anh Trần L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị Đoàn D, không ai được quyền ngăn cản. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.2] Giao cháu Trần Đ, sinh ngày 11/6/2004 cho chị Đoàn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Trần L, không ai được quyền ngăn cản. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ghi nhận ý kiến tự nguyện cấp dưỡng của anh Trần L, cấp dưỡng nuôi con cháu Trần Đ hàng tháng là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) đến khi

cháu Trần Đ đủ 18 tuổi, thời gian bắt đầu cấp dưỡng là ngày 06/7/2021 (ngày tuyên án sơ thẩm).

[3] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Anh Trần L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng, tổng cộng anh L phải chịu án phí là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007727 ngày 08/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm.

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND Phường U, TXNN;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Thị Vàng